TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/ HNGĐ- ST
Ngày 28-8-2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư số 4, phường P, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 122, S, khu dân cư số 5, phường P, thành phố C, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, phường P, thành phố C, tỉnh H.

Chị H và anh T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị H và anh T kết hôn ngày 23-6-2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố C, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại khu dân cư số 4, phường P, thành phố C, tỉnh H. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H: Nguyên nhân là do anh T đi xuất khẩu lao động nước ngoài, không quan tâm gì đến vợ con. Khi chị mang thai cháu T1, bố mẹ đẻ anh T còn phân tích cho chị là không để thai, kể cả anh T cũng đồng ý như vậy. Ngoài việc mâu thuẫn vợ chồng, gia đình anh T còn coi thường chị và gia đình bên ngoại. Kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2020, chị đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư số 5, phường P sinh sống. Anh T cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Tòa giải giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Theo anh T: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm ăn xa nhà, ở nhà chị H xa lánh, anh có gọi điện thoại về nhà thì chị H chỉ đưa điện thoại cho cháu Lâm O nói chuyện với anh, còn chị H không nói chuyện với anh. Anh nghĩ vợ chồng xa nhau nên tình cảm có phần lạnh nhạt. Tháng 10 năm 2020 anh về nước, về nhà sinh sống cùng chị H thì chị H đã viết sẵn giấy để đó với nội dung: "tất cả đồ đạc tôi để tủ trắng, tôi và con ngủ riêng". Sau đó, chị H đưa hai con đi về nhà ngoại. Thời gian đó, anh vẫn đi cách ly, hết thời gian cách ly, anh và chị H đưa con về nhà nội ở. Anh có phát hiện, nghi ngờ chị H không chung thủy với anh. Đồng thời, anh phát hiện ra que thử thai trong nhà vệ sinh. Anh có nói chuyện với chị H về việc hỏi con của ai, chị H nói là do đi ăn, bị say nên không biết con của ai. Sau đó, anh bỏ đi 3 ngày và có nói chuyện với nhà ngoại là chấp nhận tha thứ cho chị H. Nhưng chị H nói là không cần tha thứ và cũng không muốn cố gắng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lâm O, sinh ngày 13/3/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/6/2017, hiện hai cháu đang sinh sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị làm công nhân tại Công ty cổ phần nhiệt điện P, thời gian làm việc theo ca, không cố định, 8 tiếng/1 ca với mức lương trung bình 12.000.000đồng/tháng. Từ khi chị sinh con, từ khi các con con bé đến giờ anh T xa nhà, không có thời gian gần gũi, chăm sóc hai con. Nguyên nhân chị không đồng ý cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là vì các con còn bé, hơn nữa lại là bé gái nên chị không muốn tách các cháu ra. Anh T giữ nguyên quan điểm nhận nuôi con chung Nguyễn Thanh T1 và giao con chung Nguyễn Lâm O cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện tại, anh là công nhân tại công ty TNHH B, thời gian làm việc từ 08 giờ sáng đến 17 giờ chiều, mức lương là 5.300.000đồng/tháng. Ngoài ra, bố mẹ anh khỏe mạnh, có thể giúp đỡ anh trông nom con cái. Gia đình anh và gia đình chị H ở gần nhau nên các con có thể đi lại hai bên thuận tiện. Bản thân anh không bao giờ ngăn cản việc thăm nom con chung của chị H. Anh luôn nghĩ các cháu đã thiệt thòi vì bố mẹ không hạnh phúc nên anh tạo mọi điều kiện cho chị H thăm nom con chung nếu anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

Về tài sản chung, nợ: Chị H và anh T xác định có tài sản chung,nợ và đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Qua xác minh với ông Nguyễn Thế S- bố đẻ anh T bà Phạm Thị Kim A- mẹ đẻ của anh T xác nhận: Anh T và chị H kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với vợ chồng ông bà. Đến năm 2017, anh T đi lao động nước ngoài đến cuối năm 2020 thì về nước. Từ ngày 16 tháng 11 năm 2020 anh T về nước, chị H và các cháu về chung sống với anh T, ông bà thấy anh chị xảy ra mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Gia đình ông cho chị H ở lại nhà ngoại một thời gian cho ổn định sức khỏe và tâm lý. Nhưng khi anh T sang đón con thì chị H chửi bới, ngăn cản. Đến khi bà A sang đón cháu thì chị H gây khó khăn và chỉ cho đón 1 ngày chủ nhật. Nếu hai anh chị ly hôn, quan điểm của gia đình ông bà tùy theo nguyện vọng của anh chị nhưng về con chung đề nghị Tòa án giao cho anh T chị H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung.

Qua xác minh với bà Nguyễn Thị H- mẹ chị H trình bày: Sau khi anh T chị H kết hôn, anh chị có về sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Ông bà thông gia không quan tâm, còn coi thường con dâu và gia đình bà. Khi chị H mang bầu cháu thứ hai, ông bà còn bảo chị bỏ đứa con để lo công việc làm ăn. Vào tháng 01 năm 2016, anh T có mở cửa hàng ở nhà bà, qua tiếp xúc gần bà thấy anh T có tính gia trưởng, không yêu thương vợ con. Có lần bà nghe anh T bảo chị H bỏ cái thai đi, mặc dù khi đó kinh tế và công việc của anh chị đều rất tốt. Đến năm 2017, anh T đi nước ngoài, anh không gọi về cho bố mẹ vợ lần nào, rất ít gọi hỏi thăm vợ con. Đến tháng 11 năm 2020, anh T về nước thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và đến tháng 12 năm 2020 chị H đưa 2 cháu về ở với ông bà. Thời gian gần đây, gia đình anh T không thăm hỏi con chung. Khi chị H sang để chuyển đồ về thì anh T đánh chị phải đi viện, còn đe dọa bắt chị phải rút đơn ly hôn. Bà đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn, cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông bà sẽ hỗ trợ chị trong việc trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị thay đổi quan điểm theo mức lương hàng tháng và thưởng trung bình một năm của chị thì thu nhập bình quân một tháng chị là khoảng 20.000.000đồng.

Anh T giữ nguyên quan điểm về ly hôn. Anh thay đổi quan điểm về việc đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm O, giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và thu nhập bình quân một tháng của anh là 10.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thế T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lâm O, sinh ngày 13/3/2015 cho anh

T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/6/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thế T có địa chỉ cư trú tại phường P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 anh T đi lao động tại nước ngoài. Vợ chồng xa nhau tình cảm lạnh nhạt dần, đến cuối năm 2020 khi anh T về nước, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nặng nề. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên và nghi ngờ tình cảm của nhau. Anh chị đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng, có lúc còn xảy ra xô xát lẫn nhau. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận chị H được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của hai anh chị thì thấy: Cháu Nguyễn Lâm O và cháu Nguyễn Thanh T1 đều đã từng sinh sống ổn định cùng với anh T chị H tại nhà ông bà nội- bố mẹ đẻ anh T từ nhỏ cho đến cuối năm 2020 thì về nhà ông bà ngoại sinh sống cùng chị H. Nhà chị H và nhà anh T cùng ở phường P, thành phố C, tỉnh H và hai nhà cách nhau khoảng 1 km. Chị H và anh T đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bố mẹ anh T và bố mẹ chị H đều hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nếu anh chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh T có nguyện vọng nuôi cháu Lâm O và giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp nghĩa vụ của người làm cha làm mẹ. Tuy vậy, anh chị có hai con chung, điều kiện nuôi con như nhau, cháu Lâm O đã lớn, tự chăm sóc bản thân, cháu T1 nhỏ hơn cần ở có mẹ chăm sóc. Do đó, giao cháu Nguyễn Lâm O, sinh ngày 13/3/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/6/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn

cảnh của hai anh chị, nguyện vọng của anh T, đảm bảo được sự phát triển bình thường, mọi mặt của các cháu.Về việc cấp dưỡng nuôi con chung ,chị H và anh T mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Thế T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lâm O, sinh ngày 13/3/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung làNguyễn Thanh T1, sinh ngày 29/6/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Chị H, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006829 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- UBND phường P, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương